

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019 DS/ST
Ngày: 20/6/2019
Việc kiện: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Ông Từ Thanh Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Đào Thanh Tuấn, kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2018TLST-DS, ngày 18/12/2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019 ngày 29/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn Vĩnh Hải, xã V, huyện T, Bình Thuận (có mặt).

Bị đơn: Bà **Vy Thị Thanh L**, sinh năm 1954

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã T, huyện T, Bình Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Bà **Lê Thị Tám**, sinh năm 1968 (Vợ ông Đ, ủy quyền cho ông Đ)

Địa chỉ: thôn Vĩnh Hải, xã V, huyện T, Bình Thuận

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Ông **Trương Tấn Đ**, sinh năm 1955 (chồng bà L, có mặt)

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã T, huyện T, Bình Thuận

Hiện tạm trú tại: thôn Vĩnh Hải, xã V, huyện T, Bình Thuận

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Trường Duy** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi đến tòa ngày 17 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, **nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày:**

Vào năm 2010 bà L có nhờ ông Vy H vay tiền của ông nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 78.000.000đ, lãi suất 3% tháng, thời hạn 1 năm.

Đến hạn ông Hóa đòi lại tiền, bà L không có tiền trả, nên viết giấy hẹn nợ cho ông H với số tiền 130.000.000đ, trong đó có tiền vay của ông là 78.000.000đ nhưng bà không thực hiện trả nợ theo giấy hẹn, đến năm 2018 nghe tin nhà bà L được bồi thường hỗ trợ tiền thu hồi đất, ông đến đòi nợ thì bà L viết giấy xác nhận nợ cho ông ghi ngày 16/11/2018, gốc là 78.000.000đ và phải trả cho ông tiền lãi là 172.000.000đ. Tổng số nợ là 250.000.000đ, nhưng từ đó đến nay bà L cũng không trả nợ cho ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông toàn bộ số nợ là 152.880.000 đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000đ và lãi tính từ ngày xác nhận nợ (02/3/2011) đến ngày hòa giải (3/2019) là 96 tháng, theo lãi suất 1%/tháng. $78.000.000 \text{ đ} \times 1\% \times 96 \text{ tháng} = 74.880.000 \text{ đồng}$

Bà Vy Thị Thanh L trình bày:

Vào năm 2011 bà có nhờ em bà là Vy H vay tiền của Bùi Văn Đ nhiều lần với số tiền 78.000.000đ, ngoài ra H còn cho bà mượn không lãi là 52.000.000đ, tổng cộng 02 khoản nợ là 130.000.000đ.

Đến năm 2012 Vy H đòi lại tiền, do bà không có tiền trả nên bà có viết giấy hẹn nợ ghi ngày 20/8/2012, với số nợ là 130.000.000 đồng và hứa sẽ chịu lãi theo tiền vay theo thỏa thuận là 3% tháng, hẹn đến ngày 28/8/2012 sẽ trả lãi và đến ngày 20/9/2012 sẽ hoàn gốc cho H, nhưng từ đó mặc dù Vy H có đòi nợ bà nhiều lần, nhưng bà không có tiền trả cho H.

Đến năm 2018 nghe tin nhà bà được bồi thường hỗ trợ tiền thu hồi đất, ông Đ đến đòi nợ, thì bà có viết giấy xác nhận phần nợ cho ông Đ ghi ngày 16/11/2018, nợ gốc là 78.000.000đ và phải trả cho ông tiền lãi là 172.000.000đ. Tổng số nợ của ông Đ là 250.000.000đ, nhưng từ đó đến nay bà cũng không có tiền trả nợ cho ông Đ.

Nay bà xác định chưa trả nợ cả gốc và lãi cho Đ, bà chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của Đ, hiện nay hộ gia đình bà được nhà nước bồi thường, hỗ trợ tiền thu hồi đất với số tiền hơn 2,4 tỷ đồng, nhưng ông Đ chỉ đưa cho bà 100.000.000đ số còn lại ông quản lý hết, không đưa tiền cho bà để trả nợ, nên bà yêu cầu Tòa án buộc chồng bà là ông Trương Tấn Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu của Bùi văn Đ.

Ông Trương Tấn Đ trình bày:

Việc bà L vay mượn tiền của ông Bùi văn Đ, ông hoàn toàn không biết và ông không chấp nhận chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ này cho ông Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Bùi Văn Đ, yêu cầu vợ chồng bà Vy Thị Thanh L và ông Trương Tấn Đ có trách nhiệm trả số tiền 152.880.000đ (gốc 78.000.000đ và lãi tính đến ngày hòa giải là 74.880.000đ)

Về án phí: Bà Vy Thị Thanh L và ông Trương Tấn Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xác định đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên đây là nợ chung của vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ, áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét buộc ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L hoàn trả toàn bộ số nợ cho ông Đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà L, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông toàn bộ số nợ gốc là 78.000.000đ và lãi tính từ ngày xác nhận nợ vay (21/3/2011) đến ngày hòa giải (21/3/2019) là 96 tháng, theo lãi suất 1%/tháng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và lời thừa nhận của bị đơn, chứng tỏ rằng đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, Bình Thuận.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện tại tòa án, thì ông Đ đứng đơn khởi kiện đối với bà L và ghi rõ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Tấn Đ, nên xác định ông Đ là nguyên đơn, bà L là bị đơn và ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn ông Đ cung cấp chứng cứ là giấy nợ ghi ngày 16/11/2018, thể hiện nội dung bà Vy Thị Thanh L có nợ của vợ chồng ông Đ (Tám Đ) số tiền 78.000.000đ vào ngày 21/3/2011, hiện nay bà phải trả số tiền cả gốc và lãi là 250.000.000đ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ phía bị đơn bà L thừa nhận giấy nợ này do bà viết, với số tiền vay gốc là 78.000.000đ của Bùi Văn Đ, mà bà nhờ Vy H vay giùm bà, tình tiết này đã được ông H, ông Đ và bà L thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định việc ông Đ thông qua ông H cho bà L vay 78.000.000đ là có thật.

Trong vụ kiện này giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về nội dung vay mượn và số nợ tính đến ngày hòa giải là 152.880.000đ (trong đó nợ gốc 78.000.000đ; lãi tính từ ngày vay (21/3/2011) đến ngày hòa giải (21/3/2019) là 96 tháng, theo lãi suất 1%/tháng. $78.000.000 \text{ đ} \times 1\% \times 96 \text{ tháng} = 74.880.000 \text{ đ}$)

Vấn đề không thống nhất ở đây, là cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu đưa chồng bà L là ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan, để ràng buộc trách nhiệm trả nợ đối với ông Đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôn nay, ông Đ cho rằng việc vay mượn tiền là do bà L, ông không biết và bà L không sử dụng tiền này vào mục đích vì nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông không chấp nhận liên đới trách nhiệm cùng bà L để trả nợ cho ông Đ.

Theo bà L khai thì bà và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, trong nhà bà là trụ cột chính của gia đình, tại thời điểm này, ông Đ thường xuyên đau bệnh, không có lao động nên việc làm rầy không đạt hiệu quả và sau này đất rầy bị nhiễm bụi của nhà máy nhiệt điện T không làm được, nên trong gia đình bà không có thu nhập, một mình bà phải lo toan ăn uống, sinh hoạt cho cả gia đình và xoay sở nợ nần chung trong nhà, bà vay tiền này là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bà.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù số nợ vay chỉ do một mình bà L đứng ra trực tiếp vay mượn của ông Vy H (trong đó có tiền của ông Đ) trong thời kỳ hôn nhân, theo bà L thì ông Đ biết việc này và mục đích bà vay tiền về là để lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không chứng minh được bà L sử dụng tiền vay của ông Đ vào mục đích riêng tư cho bà L, theo ông H có nhiều lần ông chở mẹ ông (cũng là mẹ của bà L) đến nhà đòi tiền bà L, lúc đó có ông Đ, ông Đ có hứa khi nào nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ đất sẽ trả cho ông H, tình tiết này được bà L thừa nhận, nên có cơ sở xác định số nợ này là nợ chung của vợ chồng và buộc ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu của ông Đ.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Vợ chồng bà L, ông Đ thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***” của ông Bùi Văn Đ đối với vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ.

- Buộc vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Bùi Văn Đ toàn bộ số nợ là **152.880.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng)**.

3. Về án phí: Vợ chồng bà L, ông Đ được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật; trả lại cho ông Đ 6.250.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0019764 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà L phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2019). Đối với ông Đ vắng mặt trong phần tuyên án, báo cho ông biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch